TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **09**/2025/QĐST-KDTM	*Đống Đa, ngày 18 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 317 và Điều 319 Luật Thương mại.

Căn cứ Điều 12, Điều 50, Điều 56, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Căn cứ Điều 27, 18, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm".

Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 2 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 117/2024/TLST-KDTM ngày 08/10/2024 về tranh chấp hợp đồng xây dựng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH X (sau đây viết tắt: Công ty X)**; Trụ sở: 2 N, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đức H - Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang S; Địa chỉ: A N, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.ĐT: 0987.140.147.

- *Bị đơn:* **Tổng công ty X1 (sau đây viết tắt: Công ty L1)**; Trụ sở: Số A đường T, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Tăng Văn C - Tổng Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Huy T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty TNHH X và Tổng Công ty X1 thống nhất xác nhận:

Công ty TNHH X (Công ty X) ký Hợp đồng kinh tế số 250716/HĐKT/CG-HC ngày 25/7/2016 với Tổng công ty X1 (Chi nhánh Vận tải và Thi công Cơ giới thuộc Tổng công ty X1 là đơn vị được ủy quyền giao kết, thực hiện hợp đồng với Công ty X). Theo đó, Tổng công ty X1 giao cho Công ty X nhận thi công phụt lấp đầy hầm dẫn nước Mũi 1 – dự án thủy điện S1, huyện N, tỉnh Quảng Nam, thời gian thi công 25/7/2016 đến 25/8/2016.

[Công trình Thủy điện S1 có chủ đầu tư là Tổng công ty P – CTCP, đại diện chủ đầu tư là Ban S1 – chi nhánh P - CTCP].

Thực hiện hợp đồng, Công ty X đã thi công, thực hiện công việc theo đúng tiến độ, chất lượng thỏa thuận hợp đồng cho Tổng công ty X1. Cho đến nay, công trình thủy điện S1 đã được chủ đầu tư đưa vào sử dụng và vận hành phát điện thương mại từ tháng 6/2018.

Căn cứ Bảng khối lượng Xây dựng hoàn thành ngày 20/10/2019, Bảng tính giá trị quyết toán, Hóa đơn GTGT số 0000102 ngày 26/8/2016 và các tài liệu liên quan thì công nợ của Tổng công ty X1 được xác định như sau:

1. Giá trị quyết toán : 2.042.442.050 đồng

2. Giá trị Lũng L đã thanh toán và khấu trừ: 1.117.573.680 đồng

3. *Còn lại chưa thanh toán 1 – 2:* ***924.868.370 đồng***

Sau khi tiến hành đối chiếu và làm việc Công ty X và Công ty L1 đã thống nhất giảm số tiền gốc còn lại mà Công ty L1 phải thanh toán cho công ty X xuống còn 900.000.000đồng; Miễn toàn bộ khoản tiền lãi phát sinh từ khoản nợ gốc đối với Công ty L1.

Các đương sự thống nhất xác nhận số tiền Công ty L1 còn nợ Công ty X theo Hợp đồng kinh tế số 250716/HĐKT/CG-HC ngày 25/7/2016 với Tổng công ty X1 (Chi nhánh Vận tải và Thi công Cơ giới thuộc Tổng công ty X1 là đơn vị được ủy quyền giao kết, thực hiện hợp đồng với Công ty X) tổng cộng là: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

2.2. ***Các đương sự thống nhất xác nhận:***

Tổng công ty X1 trả khoản nợ trên cho Công ty TNHH X theo lộ trình sau*:*

1. Công ty L1 sẽ tiến hành thanh toán số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng chẵn) cho Công ty X làm 03 đợt như sau:

+ Đợt 1: Trước ngày 31/3/2025, Tổng công ty X1 trả Công ty X số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng);

+ Đợt 2: Trước ngày 30/6/2025, Tổng công ty X1 trả Công ty X số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng);

+ Đợt 3: Trước ngày 30/9/2025, Tổng công ty X1 trả Công ty X số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng);

2. Trường hợp Công ty L1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ bất kỳ đợt thanh toán tiền nào trong 03 đợt trên thì Công ty X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thu hồi ngay toàn bộ số tiền Công ty L1 còn nợ Công ty X.

3. Án phí: Các đương sự thống nhất bị đơn sẽ chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật là: 19.500.000đồng.

Khi có quyết định thi hành án của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền buộc các tổ chức, cá nhân chiếm hữu, sử dụng các tài sản trên phải di dời khỏi khu đất đã thế chấp nêu trên để đảm bảo việc thi hành án.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm chưa đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn tiếp tục trả nợ và lãi phát sinh cho đến khi tất toán khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N; Trường hợp tiền phát mại tài sản bảo đảm sau khi trả nợ còn thừa thì được trả lại cho bị đơn để bị đơn thanh toán với những người có tài sản bảo đảm.

2.3. Về án phí: Các đương sự thống nhất nguyên đơn, bị đơn mỗi bên chịu 50% án phí phải nộp, cụ thể:

- Ngân hàng TMCP N chịu 29.263.223 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm hai mươi ba đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.397.000 đồng (năm mươi tám triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn); Hoàn trả Ngân hàng N số tiền 29.133.777 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019231 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa.

- Công ty TNHH S2 chịu 29.263.223 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm hai mươi ba đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quản Văn Tiến